

Một số vấn đề khái quát về:

“ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030”

✎ NGUYỄN TRỌNG DANH
PGD. Sở KH&CN Vĩnh Long

Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) đã khẳng định quan điểm: “Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp...”.

Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ X đã nhấn mạnh: “Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống” là một trong 6 nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực văn hóa - xã hội cho giai đoạn 2016 - 2020.



Hội Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN năm 2018

Ảnh: Thanh Sang

Vĩnh Long cùng với cả nước, đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đối mặt với nhiều cơ hội cũng như thách thức to lớn. Với mô hình tăng trưởng theo chiều rộng dựa trên cơ sở tăng vốn đầu tư, khai thác lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và sức lao động, nền kinh tế chưa bảo đảm để phát triển nhanh, bền vững và không thích ứng với bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa trở thành xu hướng tất yếu, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt. Do đó, vấn đề bức thiết đặt ra trong giai đoạn mới, là phát triển phải dựa vào nền tảng những ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tốc độ tăng trưởng kinh tế chủ yếu phải từ hiệu quả sử dụng vốn, tăng năng suất lao động, tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), trong đó, khoa học và công nghệ (KH&CN) đóng vai trò then chốt.

Để KH&CN thực sự là động lực then chốt, thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tích cực và có hiệu quả vào quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH của tỉnh trong thời gian tới, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành **Đề án phát triển KH&CN tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**.

Đề án gồm có 04 phần: Đánh giá thực trạng KH&CN giai đoạn 2011 - 2015; Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Giải pháp và tổ chức thực hiện.

Về thực trạng khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2015: Đề án đã nêu bật được những kết quả đã đạt được như: Hoạt động khoa học và công nghệ đã phát triển đúng hướng, từng bước đi vào chiều sâu và hướng về cơ sở. Hoạt động nghiên cứu, ứng

dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp, y dược, kỹ thuật và công nghệ; tiềm lực KH&CN đã được chú trọng tăng cường; các tổ chức nghiên cứu và phát triển (R&D) được mở rộng ở các trường đại học, cơ sở nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; nhân lực KH&CN tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng so với giai đoạn trước; hệ thống cơ chế quản lý được đổi mới, khuyến khích phát triển KH&CN; bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến huyện đã được tăng cường và ngày càng hoàn thiện; quản lý nhà nước về KH&CN đã có những đổi mới tích cực.

Song song đó, đề án cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như: Hoạt động KH&CN chưa tạo được sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hoạt động đổi mới công nghệ, thiết bị trong các doanh nghiệp còn chậm; sản phẩm ứng dụng công nghệ cao còn ít, chưa có nhiều sản phẩm, công nghệ sản xuất đạt trình độ quốc gia và khu vực; tiềm lực KH&CN chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu; nhân lực KH&CN không đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực; đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học ngày càng tăng nhưng số người có trình độ chuyên môn để làm công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng KH&CN chưa nhiều; cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động KH&CN vẫn còn lạc hậu và thiếu đồng bộ; một số cơ chế, chính sách đổi mới về KH&CN triển khai còn chậm, chưa phù hợp để thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh. Nguyên nhân: Sự nhận thức của các ngành, các cấp và doanh nghiệp về vai trò của KH&CN tuy có chuyển biến hơn nhưng việc chuyển hóa từ nhận thức thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để ứng dụng KH&CN vào sự phát triển

trong từng ngành, từng cấp, từng doanh nghiệp còn hạn chế; chưa có những nhiệm vụ KH&CN có tính đột phá, những chính sách mạnh, hiệu quả trong lĩnh vực KH&CN; tổ chức quản lý KH&CN ở cấp huyện vẫn còn bất cập...

Đề án đã xác định các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Về quan điểm: Đề án nhấn mạnh quan điểm: Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội; là nền tảng và động lực then chốt để thực hiện tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng; là yếu tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; là một trong những khâu đột phá để phát triển nhanh và bền vững; phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH; trước hết là phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp - nông thôn của tỉnh; chú trọng công nghệ phục vụ công nghiệp chế biến sạch, công nghiệp xanh; công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái. Lĩnh vực KH&CN khuyến khích gồm công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng tái tạo và môi trường.

Về mục tiêu phát triển KH&CN: Bao gồm 03 mục tiêu chung: Đẩy mạnh phát triển KH&CN để đến năm 2030 Vĩnh Long trở thành tỉnh có trình độ KH&CN đạt mức trung bình tiên tiến; là một trong những trung tâm ứng dụng, chuyển giao công nghệ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó, công nghệ cao chiếm vị trí chủ yếu; đổi mới tổ chức và cơ chế, chính sách về KH&CN nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động KH&CN, gắn chặt chẽ ứng dụng KH&CN với sản xuất và đời sống;

củng cố và tăng cường tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN của tỉnh; nâng cao năng lực doanh nghiệp tiếp cận công nghiệp 4.0; hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ thống các tổ chức KH&CN, các trường đại học trên địa bàn đủ khả năng giải quyết một số nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh, có sức lan tỏa trong vùng ĐBSCL.

Về mục tiêu cụ thể: Đề án đã xác định một số mục tiêu với các chỉ tiêu phân đầu cụ thể như: Số tổ chức KH&CN đến năm 2020 đạt 15 tổ chức (đến năm 2030 đạt 30 tổ chức); tỷ lệ đóng góp của TFP vào tốc độ tăng trưởng kinh tế đến năm 2020 đạt 49,5%; số lượng văn bằng sở hữu công nghiệp được cấp đến năm 2020 đạt 1250 (năm 2030 đạt 1750); số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức khác được cấp chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đến năm 2020 đạt 350 tổ chức (đến năm 2030 đạt 400 tổ chức); từng bước hình thành thị trường KH&CN, đến năm 2020 hoàn thành và đưa vào vận hành Sàn giao dịch công nghệ, Quỹ phát triển KH&CN tỉnh; hình thành 01 vườn ươm doanh nghiệp KH&CN.

Để thực hiện được các mục tiêu và chỉ tiêu trên, đề án đã đề xuất 05 nhiệm vụ đột phá và 07 nhiệm vụ KH&CN trọng tâm.

Các nhiệm vụ KH&CN đột phá: Tăng cường việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

ban hành kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D) trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển KH&CN công lập; hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp mạnh, có đủ năng lực làm chủ công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế của tỉnh...

Các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm như: *KH&CN phục vụ công nghiệp* (ưu tiên khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển các sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nghiên cứu phát triển và ứng dụng nguồn năng lượng sạch như: năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối,...); *KH&C phục vụ nông nghiệp* (phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ cao, đặc biệt công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các loại nông sản chủ lực của tỉnh, góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao); *KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới* (xây dựng mô hình ứng dụng các loại vật liệu mới, thiết bị mới, công nghệ tiên tiến trong thiết kế thi công các công trình thủy lợi nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; Mô hình chuyển đổi hợp tác xã kiểu mới, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; Mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới; Mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; Mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm; Mô hình sản xuất nông

ng nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp...); *KH&CN phục vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng* (ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại của các nước trong khu vực và thế giới, làm chủ được các công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh tật ở người, trong dự phòng các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, nguy hiểm, các bệnh lạ mới phát sinh; trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm,...); *KH&CN phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; Khoa học xã hội và nhân văn* (nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách, mô hình, giải pháp phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững; thực hiện giải pháp điều chỉnh, tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các giải pháp về phát triển kinh tế tri thức; nâng cao sự đóng góp của TFP vào GRDP tỉnh...); *Phát triển tiềm lực KH&CN; nâng cao trình độ công nghệ doanh nghiệp.*

Về giải pháp thực hiện: Đề án đưa ra 05 nhóm giải pháp: (1) Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về KH&CN; (2) Tổ chức thực hiện đổi mới về cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính cho hoạt động KH&CN; (3) Đào tạo, đào tạo lại, sử dụng trọng dụng và đãi ngộ nhân lực KH&CN; (4) Từng bước phát triển thị trường KH&CN; (5) Đẩy mạnh hợp tác KH&CN trong ngoài nước.

Đề án cũng nêu bật vai trò và phân công trách nhiệm cụ thể các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và các doanh nghiệp có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện đề án./.